TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HSST
Ngày: 30/5/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thụy;

2. Ông Phạm Huy Điệu;

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Mạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Ông Vũ Đình Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST- HS, ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đào Văn K, sinh năm 1990 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT: Thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Không xác định; Mẹ đẻ: Bà Đào Thị M; Có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2023 đến ngày 07/3/2023 chuyển tạm giam tại NH tạm giữ Công an huyện Ninh Giang. Đến ngày 09/5/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Văn Th**, sinh năm 1990 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn C1 và bà Phạm Thị C2; Có vợ Trần Thị Hồng Phương; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/02/2023 tại NH tạm giữ Công an huyện Ninh Giang. Đến ngày 09/5/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương

3. Những người làm chứng: Chị Đàm Thị M, Anh Đào Văn H1. (Chị M có mặt tại phiên tòa, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2021, chị Nguyễn Thị H đặt vấn đề với Bùi Văn Th hỏi vay tiền trả lãi, Th đồng ý đưa H đến gặp Đào Văn K để vay tiền. Ngày 18/01/2021, Th cùng chị H đến một nhà dân (không rõ chủ sở hữu) ở thôn T, xã H (nay là xã H1), huyện N, tỉnh Hải Dương gặp K. Tại đây, chị H đặt vấn đề vay K số tiền 100.000.000 đồng. K đồng ý cho chị H vay tiền dưới hình thức vay tín chấp, không kỳ hạn, lãi suất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày vay. Mỗi kỳ tính lãi 10 ngày. Quy định số tiền lãi bằng số tiền vay nhân với mức lãi suất thỏa thuận nhân với số ngày vay. K cắt lãi kỳ đầu 4.000.000 đồng, đưa lại cho chị H số tiền vay là 96.000.000 đồng, chị H viết giấy vay nợ với tổng số tiền gốc 100.000.000 đồng đưa cho K giữ. Th là người giúp K thu tiền lãi, thu tiền gốc, K trả cho Th 1.000 đồng/01 triệu đồng tiền vay/ 01 ngày vay tiền. Sau đó Th thỏa thuận với chị H: Th thu thêm tiền lãi của chị H 1000 đồng/1 triệu/1 ngày vay trong tổng số tiền vay gốc 100.000.000 đồng mà K cho chị H vay *(việc Th thu thêm tiền lãi của chị H, K không biết*). Như vậy, tổng số tiền lãi chị H trả cho Th là 5000 đồng/01 triệu đồng tiền vay/01 ngày vay. Th sử dụng tài khoản số 0341007225407, ngân Hng Vietcombank (mang tên Th) nhận tiền lãi do chị H chuyển bằng tài khoản số 2302999996789 và tài khoản số 2302205241871, cùng của ngân Hng AGRIBANK (đều đăng ký mang tên chị H). Hằng kỳ, khi chị H chuyển cho Th tiền lãi thì Th giữ lại số tiền mình được hưởng và chuyển cho số tiền lãi K đã thống nhất. Đến tháng 10/2021 K bảo Th đưa tiền lãi của chị H trả cho Đàm Thị M, sinh năm 1995 (vợ K) để trả nợ cho Đào Văn H1, sinh năm: 1993, Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (K nợ của Hưng từ trước). Ngày 27/02/2023 Đào Văn K đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Giang. Cụ thể các lần chị H trả tiền lãi cho K và Th như sau:

*** Từ ngày 18/01/2021 đến ngày 07/10/2021:** Chị H phải trả cho Th và K 26 kỳ lãi. Th và K tính lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu đồng tiền vay/1 ngày vay. Ngoài ra, Th thu thêm của chị H số tiền 1.000 đồng/1 triệu đồng tiền vay/1 ngày vay. Cụ thể như sau:

- Số tiền chị H trả lãi trong kỳ là: 130.000.000 đồng (trong đó tiền lãi Th và K thống nhất: 104.000.000 đồng; số tiền lãi Th thu riêng: 26.000.000 đồng).

+ Số tiền thu lời bất chính: 115.753.425 đồng (trong đó: Th và K thống nhất: 89.753.425 đồng; Th được hưởng riêng: 26.000.000 đồng).

+ Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 14,246,575 đồng.

+ Số tiền Th sẽ được hưởng: 52.000.000 đồng (trong đó: Số tiền thực tế Th đã được hưởng: 52.000.000 đồng).

+ Số tiền K sẽ được hưởng: 78.000.000 đồng (Trong đó: Số tiền thực tế K đã được hưởng: 78.000.000 đồng).

* Trong thời gian tháng 10/2021, do K và Th xảy ra mâu thuẫn, nên Th không lấy số tiền lãi 1.000 đồng/ 01 triệu đồng tiền vay/ 01 ngày vay của chị H trả mà K, Th đã thỏa thuận trước đó. Cũng trong thời gian này chị H xin giảm lãi suất, K đồng ý giảm xuống còn 3.700 đồng/01 triệu đồng tiền vay/ 01 ngày vay. Th thu thêm của chị H số tiền 1.000 đồng/1 triệu đồng tiền vay/1 ngày vay (K không biết).

Từ ngày 08/10/2021 đến ngày 27/8/2022: Chị H phải trả cho Th và K 32 kỳ lãi. Th và K thống nhất tính lãi suất là 3.700 đồng/ 01 triệu đồng tiền vay/ 01 ngày vay. Tuy nhiên, Th thu thêm của chị H số tiền 1.000 đồng/ 01 triệu đồng tiền vay/ 01 ngày vay. Như vậy:

- Số tiền chị H trả lãi trong kỳ là: 150.400.000 đồng (Trong đó tiền lãi Th và K thống nhất: 118.400.000 đồng; số tiền lãi Th thu riêng: 32.000.000 đồng).

+ Số tiền thu lời bất chính: 132.865.753 đồng (trong đó: Th và K thống nhất: 100.865.753 đồng; Th được hưởng riêng: 32.000.000 đồng).

+ Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 17,534,247 đồng.

+ Số tiền Th sẽ được hưởng: 32.000.000 đồng (trong đó: Số tiền thực tế Th đã được hưởng: 26.700.000 đồng).

+ Số tiền K sẽ được hưởng: 118.400.000 đồng (Trong đó: Số tiền thực tế K đã được hưởng: 99.000.000 đồng).

* Đến tháng 08/2022, chị H tiếp tục xin giảm lãi, K đồng ý và thống nhất với Th giảm lãi suất cho chị H xuống còn 3.400 đồng/ 01 triệu tiền vay/ 01 ngày vay. Th vẫn tiếp tục thu thêm số tiền 1.000 đồng/ 01 triệu đồng tiền vay/ 01 ngày vay của chị H (*K không biết)*.

Từ ngày 28/8/2022 đến ngày 22/10/2022, chị H phải trả cho Th và K 4 kỳ và 05 ngày lãi. Th và K thống nhất tính lãi suất là 3.400 đồng/ 01 triệu đồng tiền vay/01 ngày vay. Tuy nhiên, Th thu thêm của chị H số tiền 1.000 đồng/01 triệu đồng tiền vay/01 ngày vay. Tại thời điểm này Th yêu cầu chị H viết lại giấy vay tiền, sau đó Th chuyển cho K giữ. Như vậy:

- Số tiền chị H trả lãi trong kỳ là: 19.800.000 đồng (Trong đó tiền lãi Th và K thống nhất: 15.300.000 đồng; số tiền lãi Th thu riêng: 4.500.000 đồng).

+ Số tiền thu lời bất chính: 17.334.247 đồng (trong đó: Th và K thống nhất: 12.834.247 đồng; Th được hưởng riêng: 4.500.000 đồng).

+ Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 2.465.753 đồng.

+ Số tiền Th sẽ được hưởng: 4.500.000 đồng (trong đó: Số tiền thực tế Th đã được hưởng: 0 đồng).

+ Số tiền K sẽ được hưởng: 15.300.000 đồng (Trong đó: Số tiền thực tế K đã được hưởng: 11.000.000 đồng).

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/01/2021 đến ngày 22/10/2022, Đào Văn K thống nhất với Bùi Văn Th cho chị Nguyễn Thị H vay với số tiền gốc 100.000.000 đồng (tiền gốc của K). Số tiền lãi chị H sẽ phải trả và đã trả là:

300.200.000 đồng (Trong đó: đã trả 266.700.000 đồng, chưa trả 33.500.000 đồng). Để thu lời bất chính (Th cùng K thu lời bất chính 203.453.425 đồng; Th thu lời bất chính mà K không biết 62.500.000 đồng). Lãi suất hợp pháp tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 34.246.575 đồng.

Tại văn bản số 03/HAD- THNS&KSNB ngày 03/01/2023 và số 304/HAD- THNS&KSNB ngày 13/3/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hải Dương xác định: Lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 109,5% /năm; Lãi 3.400 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 124,10% /năm; Lãi 3.700 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 135,05% /năm; Lãi 4.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 146,0% /năm; Lãi 4.400 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 160,60% /năm; Lãi 4.700 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 171,55% /năm; Lãi 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay gốc/ 1 ngày vay: Mức lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 182,5% /năm.

Tại bản cáo trạng số 19/CT- VKSNG ngày 14/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố Đào Văn K, Bùi Văn Th về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35- BLHS. Riêng bị cáo Đào Văn K áp dụng thêm khoản 2 Điều 51- BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Đào Văn K từ 250.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Th từ 220.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đào Văn K phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 153.753.245 đồng. Bị cáo Bùi Văn Th phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 78.700.000 đồng.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 34.246.575 đồng (tương ứng với lãi suất 20%/năm) của Đào Văn K.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H (số tiền gốc K cho chị H vay, chị H chưa trả K).

Về xử lý vật chứng: Đối với 02 giấy vay nợ chị H viết đưa lại cho K, sau đó K đã làm mất nên không thu hồi được.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/01/2021 đến ngày 22/10/2022, Đào Văn K thống nhất với Bùi Văn Th cho chị Nguyễn Thị H vay với số tiền gốc 100.000.000 đồng. Lãi suất được tính từ 3.400 đồng/ 01 triệu tiền vay/ 01 ngày vay, 3.700 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay, 4.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay (tương đương lãi suất tính lãi theo tỉ lệ % năm là 124,10% /năm; 135,05% /năm; 146,0% /năm). Tổng số tiền K và Th cùng nhằm thu lời bất chính 203.453.425 đồng (*Hai trăm linh ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*). Ngoài ra Th còn thu lãi suất của chị H với số tiền 1.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày vay trong tổng số tiền vay 100.000.000 đồng (K không biết Th thu thêm), nên Th đã thu lời bất chính thêm với số tiền 62.500.000 đồng. Do vậy Th đã thu lợi bất chính 265.953.425 đồng (*hai trăm sáu mươi năm triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Đây là vụ án có đồng phạm tham gia nhưng không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội nên được xác định là đồng phạm giản đơn. Bị cáo

Đào Văn K, Bùi Văn Th đều phạm tội với mục đích tư lợi. Bị cáo Đào Văn K là người bỏ ra 100.000.000 đồng tiền gốc, chỉ đạo Bùi Văn Th cho chị Nguyễn Thị H vay nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Bùi Văn Th trực tiếp cho chị Nguyễn Thị H vay, trực tiếp thu tiền lãi do chị H trả, nên là người thực hành giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo K sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy đinh tại khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của Hnh vi phạm tội, xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Đối với các bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng ổ, nhóm. HĐXX thấy, các bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3, Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục; tạo điều kiện cho các bị cáo sớm sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng Th người công dân tốt có ích cho xã hội là phù hợp với Điều 35- Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

* Đối với Đào Văn K: Số tiền 34.246.575 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm phát sinh từ việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 153.753.245 đồng là số tiền bị cáo K thu lời bất chính của chị Nguyễn Thị H (chị Nguyễn Thị H trả lãi cho bị cáo K số tiền 153.753.245 đồng còn 23.700.000 đồng chị H chưa trả lãi cho K) nên buộc bị cáo K trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền 153.753.245 đồng.

* Đối với Bùi Văn Th: Số tiền 78.700.000 đồng là số tiền Th thu lời bất chính của chị Nguyễn Thị H (chị Nguyễn Thị H trả lãi cho bị cáo Th số tiền 78.700.000 đồng còn số tiền 9.800.000 đồng chị H chưa trả lãi cho Th) nên buộc bị cáo Th trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền 78.700.000 đồng.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng bị cáo Đào Văn K cho chị H vay (tiền gốc) do chị Nguyễn Thị H chưa trả số tiền gốc nêu trên. HĐXX xác định số tiền

gốc nêu trên là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 giấy vay nợ chị H viết đưa lại cho K, sau đó K đã làm mất nên không thu hồi được. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác: Đối với Đàm Thị M, Đào Văn H1 là người được Th đưa tiền lãi do chị H trả nhưng không biết số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên không đặt ra việc xử lý

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35- Bộ luật hình sự đối với Đào Văn K.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35- Bộ luật hình sự đối với Bùi Văn Th

Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Đào Văn K 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Th 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đào Văn K phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương số tiền 153.753.245 đồng. Bị cáo Bùi Văn Th phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 78.700.000 đồng.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 34.246.575 đồng (tương ứng với lãi suất 20%/năm của Đào Văn K.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H (số tiền gốc K cho chị H vay, chị H chưa trả K).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án mà người phải thi Hnh án chưa thi Hnh thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468- Bộ luật dân sự

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Văn K, Bùi Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

BÙI QUÝ LONG

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ninh Giang;
- Cơ quan THAHS- Công an huyện Ninh Giang;
- Bộ phận HS- NV- Công an huyện Ninh Giang;
- THADS huyện Ninh Giang;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.